

Bản án số:118A/2023/DS - ST

Ngày: 20/9/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Tâm

Ông Ngô Bá Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Bà Trần Thị Quỳnh Trang – Kiểm sát viên

Trong ngày 20/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 80/2023/TLST - DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST-DS ngày 22/7/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 80/2023/QĐST - DS ngày 22/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị G; Sinh năm: 1967; Địa chỉ: Số 52 T, phường A, quận S, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Phan Q - Sinh năm: 1995. Địa chỉ: thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị N – Sinh năm: 1982; Địa chỉ: K502/33/1 đường 2 tháng 9, phường H, quận H, thành phố Đ. Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải không được và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Phan Q trình bày:

Ngày 15/10/2019, bà Võ Thị G ký kết giấy mượn tiền với và Trần Thị N để cho bà N vay số tiền 150.000.000 đồng chia thành nhiều đợt như sau:

Ngày 15/10/2019: mượn 30.000.000 đồng, hạn cuối tháng 10/2019 sẽ hoàn trả;
Ngày 18/10/2019: mượn 10.000.000 đồng;
Ngày 07/11/2019: mượn 40.000.000 đồng;
Ngày 10/11/2019: mượn 30.000.000 đồng;
Ngày 27/12/2019: mượn 40.000.000 đồng, hạn cuối tháng trả cho bà G;
Ngày 10/11/2019, theo Giấy mượn tiền bà N tiếp tục vay của bà G số tiền là 100.000.000 đồng để kinh doanh làm ăn, buôn bán, hạn thời hạn trả là 03 năm kể từ ngày mượn 10/11/2019.

Thực hiện hợp đồng, bà N đã thanh toán cho bà G được 10.000.000 đồng tiền gốc. Đến ngày 15/9/2020, bà N đã thanh toán cho bà G số tiền 99.400.000 đồng. Số tiền nợ còn lại là 140.600.000 bà N hẹn lại thanh toán vào ngày 10/10/2020.

Tuy nhiên, từ ngày 10/10/2020 đến nay, bà N vẫn chưa thanh toán cho bà G thêm bất kỳ khoản tiền nào. Mặc dù bà G đã nhiều lần liên hệ, nhắc nhở, nhưng bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình theo thỏa thuận tại giấy mượn tiền ngày 15/10/2019 và giấy mượn tiền ngày 10/11/2019 và Biên bản làm việc ngày 15/9/2020.

Do đó, bà G yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị N có trách nhiệm thanh toán tiền nợ gốc còn lại đã chốt theo Biên bản làm việc ngày 15/9/2020 là 140.600.000 đồng và tiền lãi quá hạn chậm trả nợ gốc cho bà G. Cụ thể:

Về tiền lãi quá hạn trên nợ gốc chậm trả số tiền 140.600.000 đồng được tính như sau:

Về thời gian chậm trả nợ gốc: Thời gian chậm trả của bà N tính từ ngày 11/10/2020 đến ngày 20/9/2023 (đến ngày xét xử) là 1.075 ngày.

Về lãi suất quá hạn do chậm thanh toán nợ gốc: Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 357, Khoản 4 Điều 466, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, Lãi suất quá hạn được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định (20%/năm) tức là 10%/năm.

Vậy tiền lãi quá hạn phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 11/10/2020 đến ngày 20/9/2023 là: 140.600.000 đồng x 10% (tính theo năm) x khoảng 2.94 năm = 41.409.589 đồng.

Tổng cộng số tiền là 182.009.589 đồng cho bà G. Trong đó: tiền nợ gốc: 140.600.000 đồng; tiền lãi quá hạn phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 11/10/2020 đến ngày 20/9/2023 là 41.409.589 đồng.

Bị đơn là bà Trần Thị N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến, văn bản phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vẫn vắng mặt lần hai đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Đối với nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị G buộc bị đơn trả tổng số tiền nợ 182.009.589 đồng (trong đó gốc là 140.600.000 đồng, lãi là 41.409.589 đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Võ Thị G thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa chỉ: K502/33/1 đường 2 tháng 9, phường H, quận H, thành phố Đ.

Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà Võ Thị G vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà Trần Thị N và bà Võ Thị G có quan hệ quen biết với nhau, từ ngày 15/10/2019 đến ngày 27/12/2019, bà N có mượn của bà G nhiều lần tiền chia thành nhiều đợt như sau:

Ngày 15/10/2019: mượn 30.000.000 đồng, hạn cuối tháng 10/2019 sẽ hoàn trả;

Ngày 18/10/2019: mượn 10.000.000 đồng;

Ngày 07/11/2019: mượn 40.000.000 đồng;

Ngày 10/11/2019: mượn 30.000.000 đồng;

Ngày 27/12/2019: mượn 40.000.000 đồng, hạn cuối tháng trả cho bà G;

Ngày 10/11/2019, theo Giấy mượn tiền bà N tiếp tục vay của bà G số tiền là 100.000.000 đồng để kinh doanh làm ăn, buôn bán, hạn thời hạn trả là 03 năm kể từ ngày mượn 10/11/2019.

Thực hiện hợp đồng, bà N đã thanh toán cho bà G được 10.000.000 đồng tiền gốc. Đến ngày 15/9/2020, bà N đã thanh toán cho bà G số tiền 99.400.000 đồng. Số tiền nợ còn lại là 140.600.000 đồng bà N hẹn lại thanh toán vào ngày 10/10/2020.

Tuy nhiên, từ ngày 10/10/2020 đến nay, bà N vẫn chưa thanh toán cho bà G thêm bất kỳ khoản tiền nào.

Tổng số tiền mà bà N vay của bà G là 140.600.000 đồng. Khi vay tiền bà N có viết giấy vay tiền và hẹn trả nợ nhưng đến thời gian trả nợ bà N không thực hiện cam kết. Nay bà Võ Thị G yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị N phải trả cho bà G tổng cộng số tiền là 182.009.589 đồng cho bà G. Trong đó: tiền nợ gốc: 140.600.000 đồng; tiền lãi quá hạn phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 11/10/2020 đến ngày 20/9/2023 là: $140.600.000 \text{ đồng} \times 10\% \text{ (tính theo năm)} \times \text{khoảng } 2.94 \text{ năm (tương ứng 1075 ngày)} = 41.409.589 \text{ đồng}$.

[4] Đối với yêu cầu của bà G buộc bà Trần Thị N thanh toán tổng số tiền nợ là 182.009.589 đồng (trong đó gốc là 140.600.000 đồng, lãi là 41.409.589 đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 15/10/2019 và giấy mượn tiền ngày 10/11/2019 và biên bản làm việc ngày 15/9/2020 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357, 463, 466, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm, bà Trần Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468, 469, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị G đối với bị đơn bà Trần Thị N về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trần Thị N phải trả cho bà Võ Thị G số tiền 182.009.589 đồng (*Một trăm tám mươi hai triệu chín ngàn năm trăm tám mươi chín đồng*) (trong đó gốc là 140.600.000 đồng, lãi là 41.409.589 đồng)

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 9.100.479 đ (chín triệu, một trăm ngàn bốn trăm bảy mươi chín đồng) bà Trần Thị N phải chịu.

Hoàn trả cho bà Võ Thị G số tiền tạm ứng án phí 4.355.710 đồng (*bốn triệu, ba trăm năm mươi lăm ngàn bảy trăm mười đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0007255 ngày 20/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS Q. Hải Châu;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Cúc

